

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

FACTORS INFLUENCING THE DEVELOPMENT OF ECOTOURISM AT CAT TIEN NATIONAL PARK

Phan Thị Dang

Trường Đại học Cần Thơ; ptdang@ctu.edu.vn

Tóm tắt - Vườn quốc gia (VQG) Cát Tiên là một trong những VQG phát triển mạnh về du lịch sinh thái (DLST) ở miền Nam. Cát Tiên có rất nhiều tiềm năng cả về tự nhiên lẫn nhân văn để phát triển loại hình du lịch này. Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của DLST tại VQG Cát Tiên bằng việc sử dụng SPSS và phương pháp thống kê, phân tích dựa trên kết quả điều tra bảng hỏi du khách nội địa. Về thời gian tiến hành điều tra bảng hỏi là từ tháng 2 đến 4 năm 2014 – đây là mùa cao điểm cho những hoạt động DLST ở VQG Cát Tiên (thời tiết, mùa vụ, sinh thái cảnh quan, ... rất thuận lợi cho hoạt động DLST). Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các công ty du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và người dân địa phương để thực thi những giải pháp cụ thể, hữu ích hơn nhằm giúp DLST tại VQG Cát Tiên phát triển phù hợp hơn.

Từ khóa - du lịch sinh thái; vườn quốc gia; Cát Tiên; khu bảo tồn thiên nhiên; tỉnh Đồng Nai; Nam Cát Tiên.

1. Giới thiệu

VQG Cát Tiên là một khu bảo tồn thiên nhiên nằm trên địa bàn 5 huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu (Đồng Nai), Cát Tiên, Bảo Lộc (Lâm Đồng) và Bù Đăng (Bình Phước), cách Thành phố Hồ Chí Minh 150 km về phía bắc [5]. Đặc trưng của VQG này là rừng đất thấp ẩm ướt nhiệt đới. VQG Cát Tiên được thành lập theo quyết định số 01/CT ngày 13 tháng 1 năm 1992 của Thủ tướng chính phủ trên cơ sở kết nối khu rừng cấm Nam Cát Tiên và khu bảo tồn thiên nhiên Tây Cát Tiên. VQG Cát Tiên nằm ở khu vực có tọa độ từ 11°20'50" tới 11°50'20" vĩ bắc, và từ 107°09'05" tới 107°35'20" kinh đông, trên địa bàn của ba tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai và Bình Phước với tổng diện tích là 71.920 ha. Hiện nay, VQG Cát Tiên là một trong những khu dự trữ sinh quyển thế giới ở Việt Nam. Về mặt địa lý, vườn quốc gia được chia thành hai khu. Khu phía Nam, nơi diễn ra đa số các hoạt động du lịch gồm Nam Cát Tiên và Tây Cát Tiên, khu phía Bắc bao gồm vùng Cát Lộc. Theo quan điểm du lịch, vùng phía Bắc có những hạn chế về tiếp cận và rất khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái ở đây, vì vậy các hoạt động du lịch chỉ tập trung ở khu phía Nam [6].

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung nghiên cứu tình hình phát triển DLST ở Nam Cát Tiên thuộc VQG Cát Tiên. Tác giả tiến hành phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến những hoạt động DLST ở Nam Cát Tiên. Từ sự phân tích đó, tác

Abstract - Cat Tien National Park (NP) is one of the national parks which have increasingly developed ecotourism in the south of Vietnam. Cat Tien has great natural and humanity potential to develop this type of tourism. In this study, the author analyzes factors that influence the development of ecotourism at Cat Tien National Park by using SPSS and statistics, analysis methods based on questionnaire survey of domestic tourists. The questionnaire-survey was conducted from February to April in 2014 because this is the peak season for ecotourism activities at Cat Tien National Park (weather, season, landscape ecology... are very convenient for ecotourism activities). Consequently, the study outcomes will provide a theoretical basis for the local government, tourism management boards, tourism companies, tourist service companies and local communities to implement specific measures to develop ecotourism at Cat Tien national park more appropriately.

Key words - Ecotourism; national park; Cat Tien; Nature reserve zone; Dong Nai province; Nam Cat Tien.

giả đề xuất một số giải pháp phát triển DLST ở đây.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp trong tài liệu được thu thập từ sách, báo, tạp chí và trên internet. Nguồn dữ liệu này được xử lý bằng phương pháp so sánh, đánh giá, phân tích và tổng hợp nhằm đảm bảo tính giá trị và tính phù hợp đối với những dữ liệu được thừa kế.

2.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 160 du khách nội địa bằng bảng hỏi trong thời gian 3 tháng (từ tháng 02/2014 -04/2014). Phương pháp lấy mẫu là phi xác suất thuận tiện. Sau khi sàng lọc còn lại 160 mẫu hợp lệ.

Phần mềm SPSS 16.0 for Windows được dùng để xử lý bảng hỏi thông qua các phương pháp sau: thống kê mô tả (tần suất và số trung bình); phân tích phương sai một yếu tố, đánh giá độ tin cậy thang đo (Scale Reliability Analysis); phân tích tương quan giữa hai biến số (sử dụng hệ số tương quan Pearson) và phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Cơ cấu mẫu nghiên cứu (%)

Giới tính	Nam	Nữ						
	54,5	45,5						
Tuổi	Dưới 25	25 – 34	35 – 44	45 – 54	> 54			
	35	32	20	9,5	3,5			
Trình độ học vấn	Tiểu học	THCS	THPT	TC	CD	ĐH	CH	Trên CH
	0,8	3,5	15,5	14	17,2	39	9	1

Nghề nghiệp	Sinh viên 29,5	Cán bộ viên chức 35,5	Kinh doanh - buôn bán 14,5	Bộ đội - công an 10	Công nhân 2,5	Nông dân 1	Cán bộ hưu trí 6	Khác 1
-------------	-------------------	-----------------------------	----------------------------------	---------------------------	---------------------	------------------	------------------------	-----------

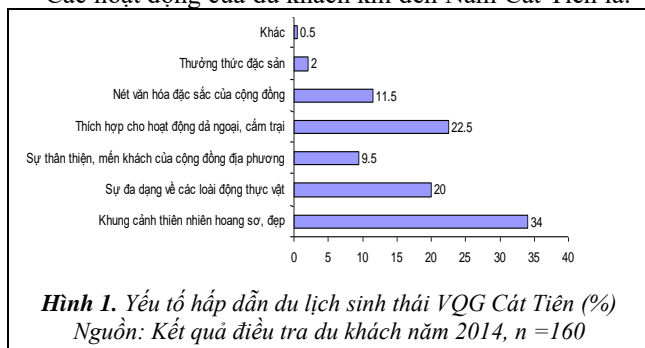
Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n = 160

3.2. Thực trạng hoạt động DLST VQG Cát Tiên

Du khách đánh giá yếu tố hấp dẫn nhất đối với DLST VQG Cát Tiên là khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp; kế tiếp là nơi đây thích hợp cho hoạt động dã ngoại, cắm trại và sự đa dạng về các loài động thực vật (Hình 1).

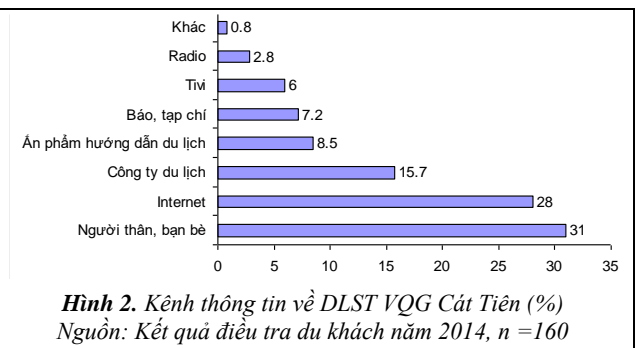
Du khách biết đến DLST Nam Cát Tiên chủ yếu qua người thân, bạn bè; Internet và công ty du lịch chiếm tỷ lệ cao (Hình 2).

Các hoạt động của du khách khi đến Nam Cát Tiên là:



Hình 1. Yếu tố hấp dẫn du lịch sinh thái VQG Cát Tiên (%)
Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n = 160

xem thú về đêm (như nai, thỏ, ngựa, lợn rừng,...) chiếm 28,2%, đi bộ trong rừng (15%), đi tàu ngắm cảnh (20,8%), xem chim (9%), tour xem cá sấu ở Bàu Sấu (10,5%) và tìm hiểu nét văn hóa bản địa của các dân tộc (15,5%) và khác (1%). Riêng đối với hoạt động xem thú về đêm bằng xe tải đặc chủng mui trần có thanh chắn an toàn được du khách lo ngại về sự an toàn cho bản thân cũng như tiếng ồn xe tải ảnh hưởng đến các loài thú.



Hình 2. Kênh thông tin về DLST VQG Cát Tiên (%)
Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n = 160

Bảng 1. Sự hài lòng của du khách về DLST tại Nam Cát Tiên

Tiêu chí	Số trung bình	Độ lệch chuẩn	Kết luận
Cảnh quan thiên nhiên	4,08	0,78	Hài lòng
Cơ sở hạ tầng phục vụ DLST	3,46	0,86	Bình thường
Phương tiện vận chuyển tham quan	3,63	0,79	Khá hài lòng
Dịch vụ ăn uống, tham quan	3,50	0,73	Khá hài lòng
Cơ sở lưu trú	4,08	0,78	Hài lòng
An ninh, trật tự, an toàn	4,08	0,78	Hài lòng
Hướng dẫn viên	3,39	0,74	Bình thường
Giá cả các loại dịch vụ	3,43	0,72	Bình thường
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan	3,63	0,79	Khá hài lòng
Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng	3,63	0,79	Khá hài lòng

Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n = 160

Sự hài lòng của du khách khi đến với DLST Nam Cát Tiên là khung cảnh thiên nhiên; cơ sở lưu trú và an ninh trật tự, an toàn. Ở mức khá hài lòng với phương tiện vận chuyển tham quan; dịch vụ ăn uống, tham quan. Và ở mức bình thường đối với các yếu tố còn lại như Bảng 1.

Du khách cảm thấy khá hấp dẫn về DLST tại Nam Cát Tiên (đạt 3,73 điểm). Ở độ tin cậy 95% cho thấy có sự khác nhau về nghề nghiệp với sự đánh giá sức hấp dẫn của DLST ở Nam Cát Tiên. Nhìn chung, du khách là cán bộ, viên chức, sinh viên, cán bộ về hưu trí, bộ đội, công an đánh giá cao về loại hình du lịch này.

Từ Bảng 2 cho thấy: với mức ý nghĩa $\alpha = 0,01$, độ tin cậy là 99% (kiểm định Pearson, 2 - phía), mức độ hài lòng tương quan thuận với dự định quay lại du lịch ở những lần tiếp theo của du khách. Theo Cao Hào Thi [1], $|r| < 0,4$: tương quan yếu; $|r| = 0,4 - 0,8$: tương quan trung bình; $|r| > 0,8$: tương quan mạnh. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa hai biến, $r = 0,620$, tương quan trung bình. Còn đối với

mức độ hài lòng tương quan thuận với dự định giới thiệu du lịch đến người khác của du khách. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa hai biến, $r = 0,650$, tương quan trung bình.

Bảng 2. Sự tương quan giữa mức độ hài lòng, dự định quay trở lại và giới thiệu đến người khác của du khách

		Mức độ hài lòng	Sự quay trở lại	Giới thiệu
Mức độ hài lòng	Tương quan Pearson	1		
	Sig. (2-phiía)			
Sự quay trở lại	Tương quan Pearson	,620**	1	
	Sig. (2-phiía)	,000		
Giới thiệu	Tương quan Pearson	,650**		1
	Sig. (2-phiía)	,000		

** : Mức ý nghĩa $\alpha \leq 0,01$ - Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n = 160

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLST VQG Cát Tiên

Tác giả sử dụng 10 biến đo lường: (1) Cảnh quan thiên nhiên; (2) Cơ sở hạ tầng phục vụ DLST; (3) Phương tiện tham quan; (4) Dịch vụ ăn uống, mua sắm, tham quan (5) Cơ sở lưu trú; (6) An ninh trật tự và an toàn; (7) Hướng dẫn viên; (8) Giá cả các dịch vụ; (9) Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan; (10) Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách.

Để loại bỏ những biến đo lường có hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh (corrected item – total correclation) nhỏ hơn 0,3 (do không đủ độ tin cậy) [2], [3], [4] và đảm bảo Cronbach's Alpha từ 0,8 – 1 thì thang đo lường là tốt, từ 0,7 – 0,8 thì thang đo lường sử dụng được). Sau khi đánh giá độ tin cậy của thang đo các biến ở Bảng 3 cho thấy, không có biến nào có hệ số tương quan biến nhỏ hơn 0,5 và Cronbach's Alpha = 0,847. Vậy thang đo lường các biến là tốt, do đó 10 biến đo lường đều phù hợp để phân tích nhân tố khám phá ở các bước tiếp theo.

Bảng 3. Cronbach's Alpha

Biến quan sát Cronbach's Alpha =0.837	Tương quan biến – tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến này
Cơ sở hạ tầng phục vụ DLST	0,646	0,848
Cơ sở lưu trú	0,701	0,902
Phương tiện vận chuyển tham quan	0,510	0,835
Dịch vụ ăn uống, mua sắm, tham quan	0,711	0,911
An ninh trật tự, an toàn	0,728	0,920
Hướng dẫn viên	0,737	0,935
Giá cả các loại dịch vụ	0,740	0,938
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan	0,640	0,840
Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng	0,667	0,845

Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n=160

Dùng kiểm định KMO (Kaiser – Meyer – Olkin Measure of sampling adequacy) và kiểm định Bartlett (Bartlett's Test of Sphericity) để kiểm tra mức độ phù hợp của dữ liệu. Theo Kaiser [2], [3] KMO $\geq 0,9$: rất tốt; KMO $\geq 0,8$: tốt; KMO $\geq 0,7$: được; KMO $\geq 0,6$: tạm được; KMO $\geq 0,5$: xấu và KMO $< 0,5$: không thể chấp nhận được. Nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig. $> 0,05$ không nên áp dụng phân tích nhân tố [2], [3], [4] khi kiểm định, chỉ số KMO của dữ liệu = 0,888 và Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 $< 0,05$: có ý nghĩa thống kê (xem Bảng 4). Dữ liệu thích hợp cho phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 4. Kiểm định KMO and Bartlett's

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser – Meyer – Olkin Measure of sampling adequacy	Approx. Chi – square	.888 372.488 28
Bartlett's Test of Sphericity	df Sig.	0.000

Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n=160

Trong phân tích nhân tố, tác giả sử dụng phép trích Principal Components với phép quay Varimax. Dựa vào bảng ma trận sau khi xoay (Bảng 5), cho thấy có ảnh hưởng đến sự phát triển của DLST ở Nam Cát Tiên.

Nhằm đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá, cần loại những biến đo lường có hệ số tải nhân tố không đạt tiêu chuẩn ở từng nhân tố. Hệ số nhân tố là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá [5], $0,3 < \text{Hệ số tải nhân tố} \leq 0,4$ được xem là đạt mức tối thiểu, $0,4 < \text{Hệ số tải nhân tố} \leq 0,5$: quan trọng, hệ số tải nhân tố $> 0,5$: có ý nghĩa thực tiễn. Theo Hair và cộng sự (1998) nếu chọn tiêu chuẩn $0,3 < \text{Hệ số tải nhân tố} \leq 0,4$ thì cỡ mẫu ít nhất là 350, nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì nên chọn tiêu chuẩn hệ số tải nhân tố $> 0,55$, nếu cỡ mẫu khoảng 50 thì chọn hệ số tải nhân tố là 0,75. Mẫu nghiên cứu là 160, vì vậy biến đo lường được chọn khi có hệ số tải nhân tố $> 0,55$. Sau khi loại bỏ những biến đo lường không đạt yêu cầu thì được kết quả như Bảng 5.

Bảng 5. Ma trận nhân tố sau khi xoay

Biến đo lường	Nhân tố			
	1	2	3	4
Sự thông thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên	0,924			
Kiến thức tổng hợp của hướng dẫn viên	0,943			
Sự thân thiện, nhiệt tình của nhân viên	0,891			
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử khôn khéo của nhân viên	0,915			
Độ an toàn của các phương tiện vận chuyển tham quan	0,900			
Có nhiều nhà hàng phù hợp với DLST	0,770			
Có nhiều điểm tham quan ở các tuyến khác nhau	0,889			
Phòng nghỉ rộng rãi, thoáng mát	0,888			
Đường sá sử dụng cho DLST rộng rãi, thông thoáng	0,745			
Trang bị đầy đủ áo phao trên các phương tiện đường thủy	0,892			
Các bến tàu sử dụng cho phương tiện đường thủy rộng rãi, an toàn	0,776			
Giá cả dịch vụ tham quan hợp lí		0,743		
Giá cả dịch vụ lưu trú hợp lí		0,847		
Giá cả dịch vụ ăn uống hợp lí		0,767		
Giá cả dịch vụ mua sắm hợp lí		0,734		

Khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp	0,950
Sự đa dạng về thực động vật	0,934
Môi trường tự nhiên trong lành	0,945
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan	0,849
Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng	0,799
Rác thải được quản lý tốt	0,768
Quản lý tốt vấn đề ăn xin	0,728
Quản lý tốt vấn đề chèo kéo, thách giá	0,799
Quản lý tốt vấn đề trộm cắp	0,729

Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n=160

Từ Bảng 5, cho thấy có 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLST ở Nam Cát Tiên là: (1) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 11 biến đo lường và được đặt tên là: “nguồn nhân lực, an toàn và cơ sở vật chất kỹ thuật”; (2) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 4 biến đo lường và

được đặt tên là: “giá cả các loại dịch vụ”; (3) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 6 biến đo lường và được đặt tên là: “môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng” và (4) Nhóm nhân tố “an ninh trật tự” chịu sự tác động của 3 biến đo lường.

Bảng 6. Ma trận điểm số nhân tố

Biến đo lường	Nhân tố			
	1	2	3	4
Sự thông thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên (X1)	0,190			
Kiến thức tổng hợp của hướng dẫn viên (X2)	0,199			
Sự thân thiện, nhiệt tình của nhân viên (X3)	0,182			
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử khôn khéo của nhân viên (X4)	0,188			
Độ an toàn của các phương tiện vận chuyển tham quan (X5)	0,184			
Có nhiều nhà hàng phù hợp với DLST (X6)	0,094			
Có nhiều điểm tham quan ở các tuyến khác nhau (X7)	0,180			
Phòng nghỉ rộng rãi, thoáng mát (X8)	0,099			
Đường sá sử dụng cho DLST rộng rãi, thông thoáng (X9)	0,086			
Trang bị đầy đủ áo phao trên các phương tiện đường thủy (X10)	0,183			
Các bến tàu sử dụng cho phương tiện đường thủy rộng rãi, an toàn (X11)	0,096			
Giá cả dịch vụ tham quan hợp lý (X12)		0,204		
Giá cả dịch vụ lưu trú hợp lý (X13)		0,212		
Giá cả dịch vụ ăn uống hợp lý (X14)		0,200		
Giá cả dịch vụ mua sắm hợp lý (X15)		0,196		
Khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp (X16)			0,226	
Sự đa dạng về thực động vật (X17)			0,211	
Môi trường tự nhiên trong lành (X18)			0,220	
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan (X19)			0,211	
Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng (X20)			0,210	
Rác thải được quản lý tốt (X21)			0,085	
Quản lý tốt vấn đề ăn xin (X22)				0,222
Quản lý tốt vấn đề chèo kéo, thách giá (X23)				0,245
Quản lý tốt vấn đề trộm cắp (X24)				0,228

Nguồn: Kết quả điều tra du khách năm 2014, n=160

Dựa vào Bảng 6, ta có các phương trình điểm số nhân tố sau:

$$F1 = 0,190 X1 + 0,199 X2 + 0,182 X3 + 0,188 X4 + 0,184 X5 + 0,094 X6 + 0,180 X7 + 0,099 X8 + 0,086 X9 + 0,183 X10 + 0,096 X11$$

Trong số 11 biến đo lường của nhóm nhân tố (1) “nguồn nhân lực, an toàn và cơ sở vật chất kỹ thuật” thì có X2, X1, X4, X5, X10, X3 có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển của DLST ở Nam Cát Tiên vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

$$F2 = 0,204 X12 + 0,212 X13 + 0,200 X14 + 0,196 X15$$

Trong số 4 biến đo lường của nhóm nhân tố (2) “giá cả các loại dịch vụ” thì có 3 nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự phát triển của DLST ở Nam Cát Tiên là X13, X12, X14.

$$F3 = 0,226 X16 + 0,211 X17 + 0,220 X18 + 0,211 X19 + 0,210 X20 + 0,085 X21$$

Trong số 6 biến đo lường của nhóm nhân tố (3) “môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho

cộng đồng” thì có 5 nhân tố: X16, X18, X17, X19, X20 có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển của DLST ở Nam Cát Tiên vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

$$F4 = 0,222 X21 + 0,245 X23 + 0,228 X24$$

Trong số 3 biến đo lường của nhóm nhân tố (4) “an ninh trật tự” thì có X23, X24 có ảnh hưởng mạnh đến phát triển của DLST ở Nam Cát Tiên vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

4. Kết luận

Có 4 nhóm nhân tố có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển DLST ở Nam Cát Tiên: nguồn nhân lực, an toàn và cơ sở vật chất kỹ thuật (X2: Kiến thức tổng hợp của hướng dẫn viên; X1: Sự thông thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên; X4: Kỹ năng giao tiếp, ứng xử khôn khéo của nhân viên; X5: Độ an toàn của các phương tiện vận chuyển tham quan; X10: Trang bị đầy đủ áo phao trên các phương tiện đường thủy; X3: Sự thân thiện, nhiệt tình của nhân viên); giá cả các loại dịch vụ (X13: Giá cả dịch vụ lưu trú hợp lý; X12: Giá cả dịch vụ tham quan hợp lý; X14: Giá cả dịch vụ ăn uống hợp lý); môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng (X16: Khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp; X18: Môi trường tự nhiên trong lành; X17: Sự đa dạng về thực động vật; X19: Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan; X20: Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng); an ninh trật tự (X23: Quản lý vấn đề chèo kéo, thách giá; X24: Quản lý vấn đề trộm cắp).

Từ sự phân tích trên, tác giả đề xuất một số giải pháp để giúp DLST ở Nam Cát Tiên phát triển theo hướng bền vững:

- Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên phục vụ DLST chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ, có nhiều kiến thức tổng hợp, kỹ năng giao tiếp và ứng xử khôn khéo, nhạy bén.

- Đội ngũ nhân viên đặc biệt là nhân viên cơ sở lưu trú và phương tiện vận chuyển tham quan cũng cần được đào tạo, tập huấn về phong cách phục vụ đối với những nhóm khách khác nhau, thông thạo về một số ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp,... Sự ân cần, nhiệt tình của nhân viên là yếu tố giúp du khách hài lòng về điểm du lịch.

- Các phương tiện phục vụ cho du lịch cần đảm bảo độ an toàn, đặc biệt đối với các thuyền cần có áo phao đầy đủ và hướng dẫn du khách mặc khi ngồi thuyền.

- Giá cả các dịch vụ phải được niêm yết cụ thể. Đối với các nhà hàng thì cần thống nhất một mức giá trên cùng một sản phẩm. Khu gian hàng bán các sản phẩm của cộng đồng thì cần thông dịch về giá sản phẩm ra một số tiếng như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Hàn,.....

- Giữ gìn môi trường tự nhiên với vẻ đẹp hoang sơ, không bị ảnh hưởng bởi con người. Việc xây dựng các công trình cũng phải xem xét kỹ lưỡng, không để ảnh hưởng xấu đến các loài sinh vật và cảnh quan. Lòng ghép giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan vào các tuyến tham quan, có những chương trình hành động cụ thể. Tạo điều kiện để cộng đồng địa phương đặc biệt là những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tham gia vào những hoạt động DLST.

- Không để tình trạng chèo kéo, thách giá và trộm cắp diễn ra. Cần thường xuyên tuần tra và có những biển chỉ dẫn cho du khách nêu có yêu cầu giúp đỡ khi gặp sự cố.

- Cần đẩy mạnh quảng bá hình ảnh du lịch Nam Cát Tiên đến du khách thông qua các kênh thông tin và đặc biệt là việc thành lập website về DLST Nam Cát bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt, có sự tương tác cao. Đây cũng chính là công cụ giúp du khách có thể trực tiếp đăng ký tour hoặc tìm kiếm thông tin về DLST ở đây.

DLST ở Nam Cát Tiên là một trong những địa điểm DLST tiêu biểu, hấp dẫn du khách. Để DLST ở đây ngày càng phát triển hơn nữa thì cần có sự quan tâm cả về chiều sâu và chiều rộng của các ban ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Hào Thi, Tương quan hồi quy và tuyến tính, <http://fita.hua.edu.vn/tthieu/files/TinUD/Ly%20thuyet%20Tuong%20quan--Hoi%20quy.pdf>, truy cập ngày 10/03/2014.
- [2] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1*, Nxb Hồng Đức.
- [3] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 2*, Nxb Hồng Đức.
- [4] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2011), *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, Nxb Hồng Đức.
- [5] http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C6%B0%E1%BB%9Dn_qu%E1%B%91c_gia_C%C3%A1t_Ti%C3%AAn, truy cập ngày 01/01/2014
- [6] Nguyễn Thị Thanh Tâm (2013), *Du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Cát Tiên – Thực trạng và giải pháp*, luận văn ThS ngành Đại lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

(BBT nhận bài: 23/10/2014, phản biện xong: 28/02/2015)